

Phụ lục

Kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung ứng thuốc năm 2025 lần 5 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Khánh Hòa

(Kèm theo Quyết định số _____ /QĐ-BVĐKT ngày /06/2025 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Khánh Hòa)

1. Thuốc Generic

STT	Tên hoạt chất/Tên thành phần thuốc	Nồng độ - Hàm lượng	Nhóm TCKT	Dạng bào chế	Đường dùng	ĐVT	Giá kế hoạch (vnd)	Số lượng	Thành tiền (vnd)	Ghi chú
1	Immune globulin	2,5g/50ml	Nhóm 1	thuốc tiêm truyền	tiêm	chai/lọ	3.958.998	300	1.187.699.400	BV
2	Acyclovir	25 mg/ml, 10 ml	Nhóm 1	thuốc tiêm/ truyền	tiêm	ống/lọ	278.000	800	222.400.000	BV
3	Kali clorid	500 mg	Nhóm 4	viên	uống	viên	740	60.000	44.400.000	BV
4	Ketamin	500 mg/10 ml	Nhóm 1	thuốc tiêm/ truyền	tiêm/truyền	chai/lọ/túi/ ống	65.360	100	6.536.000	BV
5	Trolamin	6,7mg/g x 93 g	Nhóm 1	thuốc dùng ngoài	dùng ngoài	ống/lọ	94.500	2.000	189.000.000	BV
6	Sorbitol	5 g	Nhóm 4	dung dịch	uống	gói	600	35.000	21.000.000	BV
7	Levofloxacin	500 mg	Nhóm 3	viên	uống	viên	910	10.000	9.100.000	BV
8	Levofloxacin	500 mg	Nhóm 4	viên	uống	viên	910	10.000	9.100.000	BV
9	Filgrastim	300 mcg/ ml	Nhóm 5	thuốc tiêm	tiêm	lọ/ ống/ chai	125.773	100	12.577.300	BV
10	Deferipron	500 mg	Nhóm 4	viên	uống	viên	2.394	3.000	7.182.000	BV
11	Huyết thanh kháng dại	1000IU	Nhóm 4	thuốc tiêm	tiêm	lọ/ống	387.555	400	155.022.000	BV
12	Betahistin	24 mg	Nhóm 1	viên nén	Uống	viên	5.961	2400	14.306.400	Trung cao
13	Arginin hydroclorid	200 mg	Nhóm 4	viên nang	Uống	viên	1.000	3600	3.600.000	Trung cao
14	Febuxostat (dưới dạng febuxostat hemihydrat)	80 mg	Nhóm 1	Viên nén	Uống	viên	23.799	3600	85.676.400	Trung cao
Tổng									1.967.599.500	

2. Thuốc Biệt dược gốc

STT	Tên thương mại	Tên hoạt chất/Tên thành phần thuốc	Nồng độ - Hàm lượng	Nhóm TCKT	Dạng bào chế	Đường dùng	ĐVT	Giá kế hoạch (VNĐ)	Số lượng	Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú
1	Amlor	Amlodipine	5 mg	BDG	Viên nang cứng	Uống	viên	7.593	2400	18.223.200	Trung cao
2	Daflon	Phân đoạn flavonoid vi hạt tinh chế ứng với: Diosmin 90%; Các flavonoid biểu thị bằng hesperidin 10%	450mg; 50mg	BDG	Viên nén bao phim	Uống	viên	3.886	3600	13.989.600	Trung cao
3	Lipanthyl supra 160mg	Fenofibrate	160 mg	BDG	Viên nén bao phim	Uống	viên	10.058	3600	36.208.800	Trung cao
4	Forxiga	Dapagliflozin (dưới dạng Dapagliflozin propanediol monohydrat)	10 mg	BDG	Viên nén bao phim	Uống	viên	19.000	1200	22.800.000	Trung cao
5	Viartril-S	Glucosamin (dưới dạng Crystalline Glucosamine sulfate sodium chloride 1884mg) 1178mg; tương đương 1500mg Glucosamine sulfate	1,5 g	BDG	Bột pha dung dịch uống	Uống	gói	14.979	3600	53.924.400	Trung cao
6	Crestor	Rosuvastatin (dưới dạng Rosuvastatin calci)	20 mg	BDG	Viên nén bao phim	Uống	viên	14.903	3600	53.650.800	Trung cao
7	Glucophage	Metformin hydrochlorid	850 mg	BDG	Viên nén bao phim	Uống	viên	3.442	1200	4.130.400	Trung cao
8	Phosphalugel	Aluminium phosphate 20% gel	12,38g/gói 20g	BDG	hỗn dịch uống	Uống	gói	4.014	2400	9.633.600	Trung cao
9	Twynsta	Telmisartan; Amlodipine (dưới dạng Amlodipine besilate)	40 mg + 5 mg	BDG	viên nén	Uống	viên	12.482	360	4.493.520	Trung cao
10	Xatral	Alfuzosin HCl	10 mg	BDG	Viên nén phóng thích kéo dài	Uống	viên	15.291	2400	36.698.400	Trung cao
11	Esmeron	Rocuronium bromide	10mg/ml	BDG	Dung dịch tiêm/ truyền	tiêm/ truyền	lọ	104.450	1000	104.450.000	BV
Tổng										358.202.720	
Tổng giá trị										2.325.802.220	